

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 01a-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		565.093.814.565	404.749.119.091
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	22.070.906.087	161.175.896.093
1. Tiền	111		17.261.011.836	12.799.534.220
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.809.894.251	148.376.361.873
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		271.184.219.554	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		271.184.219.554	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		199.519.243.762	148.308.327.254
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	144.603.078.741	103.136.761.833
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	51.419.702.620	29.050.075.380
3. Các khoản phải thu khác	136	5.4	4.658.912.241	17.283.939.881
4. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.9	(1.162.449.840)	(1.162.449.840)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	67.695.065.226	94.298.743.268
1. Hàng tồn kho	141		67.695.065.226	94.298.743.268
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.624.379.936	966.152.476
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	-	966.152.476
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.624.379.936	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.054.273.837.126	174.584.738.126
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		320.288.791	320.288.791
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	320.288.791	320.288.791
II. Tài sản cố định	220		153.192.623.603	50.271.411.262
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	153.192.623.603	50.271.411.262
- Nguyên giá	222		215.814.944.469	101.141.071.044
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.622.320.866)	(50.869.659.782)
III. Bất động sản đầu tư	230		371.165.316.381	-
- Nguyên giá	231		453.228.622.420	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(82.063.306.039)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.8	352.624.519.584	33.442.982.546
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		352.624.519.584	33.442.982.546
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	64.243.314.920	86.229.851.261
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		64.243.314.920	86.229.851.261
VI. Tài sản dài hạn khác	260		112.727.773.847	4.320.204.266
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	17.583.373.643	4.270.926.738
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	49.277.528
3. Lợi thế thương mại	269		95.144.400.204	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.619.367.651.691	579.333.857.217

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 01a-DN/HN

(Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.167.636.754.685	318.292.066.200
I. Nợ ngắn hạn	310		396.622.053.630	314.621.066.200
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	89.739.881.608	65.911.451.568
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	111.498.541.263	196.566.156.904
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	11.033.848.066	9.857.138.728
4. Phải trả người lao động	314		166.309.713	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	40.958.991.602	38.180.000.000
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		90.909.091	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	50.004.323.904	3.356.319.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	93.056.670.152	750.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		72.578.231	-
II. Nợ dài hạn	330		771.014.701.055	3.671.000.000
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		180.326.519.672	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		555.331.216.643	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	24.807.776.000	2.922.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	10.477.159.000	749.000.000
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		72.029.740	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		451.730.897.006	261.041.791.017
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	451.730.897.006	261.041.791.017
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		241.999.970.000	220.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		241.999.970.000	220.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		101.743.514.524	41.041.791.017
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		18.715.009.004	12.532.138.143
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		83.028.505.520	28.509.652.874
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		107.987.412.482	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.619.367.651.691	579.333.857.217

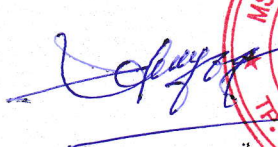
Hà Nam, ngày 30 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI LẬP



Đinh Thị Phương Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Tuyển

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Việt Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 năm 2019

Mẫu số B 02a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm Nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	83.817.269.310	59.917.797.420	168.585.451.033	318.395.443.572	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-	-	-	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		83.817.269.310	59.917.797.420	168.585.451.033	318.395.443.572	
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	75.699.370.069	51.868.275.420	143.812.692.943	279.540.420.251	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.117.899.241	8.049.522.000	24.772.758.090	38.855.023.321	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	1.526.041.109	579.194.814	81.427.270.837	1.677.506.651	
7. Chi phí tài chính	22	6.5	216.019.682	71.092.977	978.639.016	411.347.012	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		216.019.682	71.092.977	732.251.374	411.347.012	
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	25		-	-	(360.148.698)	-	
9. Chi phí bán hàng	26		-	-	-	-	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	6.301.638.038	3.302.897.476	18.355.939.461	14.004.337.301	
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.126.282.630	5.254.726.361	86.505.301.752	26.116.845.659	
12. Thu nhập khác	31	6.6	298.824.783	195.409.600	1.220.537.253	697.448.146	
13. Chi phí khác	32	6.7	94.345.378	96.819.937	152.896.256	184.199.400	
14. Lợi nhuận khác	40		204.479.405	98.589.663	1.067.640.997	513.248.746	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.330.762.035	5.353.316.024	87.572.942.749	26.630.094.405	
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	1.042.174.259	1.094.269.378	3.559.535.471	5.373.947.120	
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	72.029.740	-	
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.288.587.776	4.259.046.646	83.941.377.538	21.256.147.285	
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	61		1.731.832.567	4.259.046.646	83.216.951.424	21.256.147.285	
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	62		556.755.208	-	724.426.114	-	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		79	213	213	213	

NGƯỜI LẬP

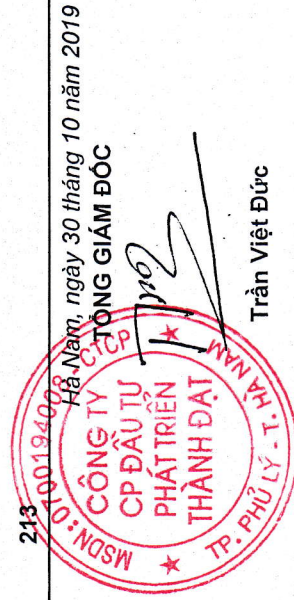
Đinh Thị Phương Thảo

Đinh Thị Phương Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Tuyên

Nguyễn Mạnh Tuyên



Trần Việt Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03a-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Quý 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		87.572.942.749	26.630.094.405
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		21.020.039.229	11.174.725.182
- Các khoản dự phòng	03		-	(194.182.500)
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(82.371.944.090)	(5.274.376.800)
- Chi phí lãi vay	06		732.251.374	411.347.012
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		26.953.289.262	32.747.607.299
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(150.565.470.420)	19.053.770.488
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		26.603.678.042	48.666.141.149
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		194.150.183.277	(7.317.006.849)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(12.346.294.429)	701.795.952
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(732.251.374)	(411.347.012)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.608.382.887)	(2.545.963.151)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		79.454.751.471	90.894.997.876
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(55.178.793.821)	(10.619.559.635)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.084.090.909	1.094.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(272.684.219.554)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(35.132.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.040.670.837	987.984.464
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(317.238.251.629)	(43.669.575.171)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03a-DN/HN

(Tiếp theo)

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

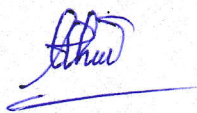
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu				
2. mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		143.135.633.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(41.100.803.848)	(7.591.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.356.319.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		98.678.510.152	(7.591.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(139.104.990.006)	39.634.422.705
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		161.175.896.093	85.877.561.267
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		22.070.906.087	125.511.983.972

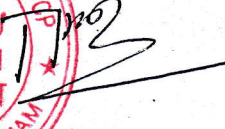
Hà Nam, ngày 30 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đinh Thị Phương Thảo

Nguyễn Mạnh Tuyển

Trần Việt Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B09a-DN/HN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700194008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 07/05/2001 và được chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 19 ngày 16 tháng 10 năm 2019.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, cung cấp nước sạch và bán bê tông thương phẩm.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Xây dựng nhà các loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình điện có điện áp từ 35 KV trở xuống, xây lắp và chuyển giao trạm cấp nước sinh hoạt, thi công sàn nhà công nghiệp, thi công phòng chống và xử lý môi, một các công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất và dựng lắp khung nhà vì kèo sắt thép các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán đồ điện gia dụng, hàng điện tử; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, mua bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Sản xuất lắp đặt các thiết bị xử lý nước mặt và nước ngầm;
- Vận tải hành khách du lịch, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Công ty có các công ty con như sau:

- + Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700769736 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 15 tháng 02 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 05 tháng 04 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B09a-DN/HN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700769376 thay đổi lần thứ 3 ngày 05/04/2019 là 303.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm linh ba tỷ đồng chẵn./.*).
- Trụ sở tại Khu công nghiệp Đồng Văn I, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại ngày 30/09/2019

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	65%	65%

Công ty có công ty liên kết như sau:

+ Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700792992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 22 tháng 07 năm 2017.
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0700792992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 22 tháng 07 năm 2017 là 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn./.*)
- Trụ sở tại Khu công nghiệp Đồng Văn III, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại ngày 30/09/2019:

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam	39%	39%

+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Thành Đạt

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700801608 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2018
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0700801608 cấp ngày 30/09/2019 là 65.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi năm tỷ đồng chẵn./.*)
- Trụ sở tại Bến xe Phủ Lý, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại ngày 30/09/2019:

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Thành Đạt	40%	40%

Công ty có chi nhánh như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Đầu tư Phát triển Thành Đạt - Chi nhánh Duy Tiên	Thôn Dỹ Phố, xã Mộc Bắc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B09a-DN/HN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh đạo Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt (công ty mẹ), Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển và Thương mại Thành Đạt và Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng KCN Đồng Văn III Tỉnh Hà Nam có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của Công ty thay đổi phát sinh từ các khoản thu nhập được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư, như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B09a-DN/HN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/09/2019 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 03 tháng).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B09a-DN/HN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B09a-DN/HN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	19 năm
Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	05 năm
Tài sản khác	02 - 05 năm

4.6. Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí cấp quyền khai thác mỏ và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B09a-DN/HN
Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

4.9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí thi công. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.11. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

4.13. Nguyên tắc kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B09a-DN/HN
Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

- Thuế suất thuế GTGT đối với hợp đồng xây dựng, bê tông thương phẩm và hoạt động chuyển nhượng bất động sản: 10%;
- Thuế suất thuế GTGT đối với dịch vụ cung cấp nước sạch: 5%.
- Thuế suất thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản không chịu thuế.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.16. Bù trừ các công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Mẫu số B09a-DN/HN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019

Quyết định số 234/2003/QQĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4.18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh (chính yếu)

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: Sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm, hoạt động xây dựng, hoạt động chuyển nhượng bất động sản.

Khu vực địa lý (thứ yếu)

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/09/2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại Tỉnh Hà Nam nên công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Quý 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/09/2019	01/01/2019
Tiền mặt	2.375.771.516	4.951.860.397
Tiền gửi ngân hàng	14.885.240.320	7.847.673.823
Các khoản tương đương tiền (*)	4.809.894.251	148.376.361.873
Cộng	22.070.906.087	161.175.896.093

5.2 Phải thu khách hàng

	30/09/2019	01/01/2019
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	144.603.078.741	103.136.761.833
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	68.822.224.027	34.026.352.700
- Ban QLDA Thanh Liêm - Cụm CN Kien Khê Giai đoạn I	6.300.000.000	21.000.000.000
- Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn - Bến mới số 4 Cảng Bút Sơn	4.126.352.700	13.026.352.700
- Ban QLDA XD TP Phủ Lý- SN, HTKT Cụm Kien Khê I (SN Tôn Hoa Sen)	12.200.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Đồng Văn Hà Nam	35.527.799.216	-
- Công ty TNHH YKK Việt Nam- Chi nhánh Hà Nam	10.668.072.111	-
Phải thu khách hàng khác	75.780.854.714	69.110.409.133
Cộng	144.603.078.741	103.136.761.833

b) Phải thu khách hàng dài hạn**c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan****5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/09/2019	01/01/2019
- Công ty TNHH VTXD & TM Trường Giang Hà Nam	6.522.983.418	2.425.680.000
- Công ty TNHH MTV Hồ Gươm Hà Nam	2.221.358.590	2.301.639.500
- Công ty TNHH Phương Lâm	4.677.240.518	4.715.190.518
- Các công ty khác	37.998.120.094	19.607.565.362
Cộng	51.419.702.620	29.050.075.380

5.4 Phải thu khác

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	4.658.912.241	-	17.283.939.881	-
- Phải thu khác	4.627.160.731	-	3.888.789.881	-
- Tạm ứng	5.000.000	-	-	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	13.395.150.000	-
- Phải trả, phải nộp khác (dư)	26.751.510	-	-	-
b) Dài hạn	320.288.791	-	320.288.791	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	320.288.791	-	320.288.791	-
Cộng	4.979.201.032	-	17.604.228.672	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Quý 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

5.6 Hàng tồn kho

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	8.883.001.256		2.383.013.470	
Chi phí SXKD dở dang	58.021.482.748		91.894.741.421	
Thành phẩm nhập kho	435.926.677		20.988.377	
Cộng	67.695.065.226		94.298.743.268	

5.7 Chi phí trả trước

	30/09/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn	-	966.152.476
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	-	966.152.476
b) Dài hạn	17.583.373.643	4.270.926.738
- Chi phí trả trước dài hạn khác	17.583.373.643	4.270.926.738
Cộng	17.583.373.643	5.237.079.214

5.8 Tài sản dở dang dài hạn**a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn****b) Xây dựng cơ bản dở dang**

- Xây dựng cơ bản

Cộng

	30/09/2019	01/01/2019
	352.624.519.584	33.442.982.546
Cộng	352.624.519.584	33.442.982.546

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN/HN**

Quý 3 năm 2019

5.9 . NỢ XẤU

Đơn vị tính : VND

	30/09/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc
	1.162.449.840	-	(1.162.449.840)	1.162.449.840
- Các khoản phải thu ngắn hạn				(1.162.449.840)
+ Ban GPMB BTHT và TĐC - Tái định cư khu vườn tổng xã Liêm Cần	5.931.500	-	(5.931.500)	5.931.500
+ Công ty CP Tasco Trường Phát	200.001.840	-	(200.001.840)	200.001.840
+ Công ty CP Xây dựng Thương mại Hà An	174.182.500	-	(174.182.500)	174.182.500
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Lam Phương	512.020.000	-	(512.020.000)	512.020.000
+ Trường THPT Phỷ Lý B	103.454.000	-	(103.454.000)	103.454.000
+ UBND thị trấn Kiện Khê	41.676.000	-	(41.676.000)	41.676.000
+ Viện KSND tỉnh Hà Nam	125.184.000	-	(125.184.000)	125.184.000
Cộng	1.162.449.840	-	(1.162.449.840)	1.162.449.840
				(1.162.449.840)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý 3 năm 2019

5.10 Các khoản đầu tư tài chính

Mẫu số B 09a-DN/HN

Đơn vị tính : VND

	30/09/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
				Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			Tỷ lệ sở hữu	
a) Chứng khoán kinh doanh				
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	65.000.000.000	64.243.314.920		86.380.000.000
- Đầu tư vào Công ty con	-	-		-
- Đầu tư vào Công ty liên kết	65.000.000.000	64.243.314.920		86.380.000.000
+ Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam	39.000.000.000	38.243.314.920	39%	39.000.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III	-	-		47.380.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Thương mại Thành Đạt	26.000.000.000	26.000.000.000	40%	47.626.387.643
Cộng	65.000.000.000	64.243.314.920		86.380.000.000
				86.229.851.261

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý 3 năm 2019

Mẫu số B 09a-DN/HN

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.138.050.205	57.465.531.713	36.651.434.094	762.321.818	4.123.733.214	101.141.071.044
Tăng trong năm	89.311.441.465	35.943.167.363	1.165.681.818	34.090.909		126.454.381.555
- Mua trong năm	164.115.000	2.230.686.363	1.087.500.000	34.090.909		3.516.392.272
- Đầu tư XDCB hoàn thành	56.477.711.583					56.477.711.583
- Tăng khác	32.669.614.882	33.712.481.000	78.181.818			66.460.277.700
Giảm trong năm		(9.966.499.039)	(1.814.009.091)			(11.780.508.130)
- Thanh lý, nhượng bán		(3.158.909.091)	(1.814.009.091)			(4.972.918.182)
- Giảm khác		(6.807.589.948)				(6.807.589.948)
Số dư cuối năm	91.449.491.670	83.442.200.037	36.003.106.821	796.412.727	4.123.733.214	215.814.944.469
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	991.978.258	24.774.335.135	20.394.684.447	584.928.728	4.123.733.214	50.869.659.782
Tăng trong năm	6.142.919.903	6.622.386.001	3.579.456.179	104.348.273		16.449.110.356
- Số khấu hao trong năm	3.077.619.767	6.622.386.001	3.501.274.361	104.348.273		13.305.628.402
- Tăng khác	3.065.300.136		78.181.818			3.143.481.954
Giảm trong năm		(3.758.615.398)	(937.833.874)			(4.696.449.272)
- Thanh lý, nhượng bán		(2.895.666.652)	(937.833.874)			(3.833.500.526)
- Giảm khác		(862.948.746)				(862.948.746)
Số dư cuối năm	7.134.898.161	27.638.105.738	23.036.306.752	689.277.001	4.123.733.214	62.622.320.866
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	1.146.071.947	32.691.196.578	16.256.749.647	177.393.090		50.271.411.262
2. Tại ngày cuối năm	84.314.593.509	55.804.094.299	12.966.800.069	107.135.726		153.192.623.603

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý 3 năm 2019

Mẫu số B 09a-DN/HN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

30/09/2019

01/01/2019

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	93.056.670.152	93.056.670.152	133.216.909.000	40.910.238.848	750.000.000	750.000.000
Vay ngân hàng VND	10.748.300.000	10.748.300.000	10.748.300.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam (1)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000			
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Thanh Liêm (2)	748.300.000	748.300.000	748.300.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000
- Vay Ngân sách Nhà nước tỉnh Hà Nam (4)	769.370.152	769.370.152	10.429.609.000	9.660.238.848		
Vay cá nhân	81.539.000.000	81.539.000.000	112.039.000.000	30.500.000.000		
b) Vay dài hạn	10.477.159.000	10.477.159.000	10.667.024.000	938.865.000	749.000.000	749.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Thanh Liêm	-	-	-	749.000.000	749.000.000	749.000.000
- Vay vốn do UBND tỉnh Hà Nam vay lại từ Chính phủ (3)	10.477.159.000	10.477.159.000	10.667.024.000	189.865.000	-	-
Cộng	103.533.829.152	103.533.829.152	143.883.933.000	41.849.103.848	1.499.000.000	1.499.000.000

Chi tiết các khoản vay như sau:

STT	Đối tượng	Số hợp đồng và ngày hợp đồng	Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nam		10.000.000.000	12 tháng	từng khế ước	Bổ sung vốn lưu động	
2	Ngân hàng NN và Phát triển NT - CN Thanh Liêm	2901LAV20150602 3 ngày 29/12/2015	3.000.000.000	48 tháng	9,6%/năm	Thanh toán tiền mua xe ô tô theo hợp đồng kinh tế số 2812-01/VI MID-TE/HKKT/2015	Bảng tài sản của công ty và của bên thứ ba
3	Vốn vay do UBND tỉnh Hà Nam vay lại từ Chính Phủ	Quyết định số 295/QĐ-UBND ngày 31/01/2019	10.942.888.000	19 năm	2%/năm	Thực hiện dự án Nước sạch Liêm Tuyên - Liêm Khiết	Nhà máy nước sạch Liêm Tuyên - Liêm Khiết
4	Vay Ngân sách Nhà nước tỉnh Hà Nam	Theo Văn bản số 613/UBND-KT		Hạn cuối năm 2018	0%	Thực hiện giải phóng mặt bằng KCN Đồng Văn III	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Quý 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

5.13 Bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Bất động sản đầu tư				-
Nguyên giá	-	453.228.622.420	-	453.228.622.420
Cơ sở hạ tầng	-	453.228.622.420	-	453.228.622.420
Giá trị hao mòn lũy kế	-	(82.063.306.039)	-	(82.063.306.039)
Cơ sở hạ tầng	-	(82.063.306.039)	-	(82.063.306.039)
Giá trị còn lại	-	371.165.316.381	-	371.165.316.381
Cơ sở hạ tầng		371.165.316.381		371.165.316.381

5.14 Lợi thế thương mại

a) Ngắn hạn

b) Dài hạn

Giá trị lợi thế thương mại đầu kỳ

Lợi thế thương mại tăng trong kỳ 102.858.811.031

Giá trị lợi thế thương mại giảm do chuyển nhượng một phần vốn góp

Giá trị lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ 7.714.410.827

Giá trị còn lại của lợi thế Cộng 95.144.400.204**5.15 Phải trả người bán****30/09/2019****01/01/2019**

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	89.739.881.608	89.739.881.608	65.911.451.568	65.911.451.568
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	4.267.506.630	4.267.506.630	10.469.011.630	10.469.011.630
- Công ty TNHH Xây dựng Giao thông Long Nguyệt	4.267.506.630	4.267.506.630	10.469.011.630	10.469.011.630
Các khoản phải trả người bán khác	85.472.374.978	85.472.374.978	55.442.439.938	55.442.439.938
Cộng	89.739.881.608	89.739.881.608	65.911.451.568	65.911.451.568

b) Các khoản phải trả người bán dài hạn

c) Phải trả người bán là các bên liên quan

5.16 Người mua trả tiền trước**30/09/2019****01/01/2019****a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

- Cơ sở II Bệnh viện Bạch Mai - HTKT

28.618.399.800 70.082.334.800

- Cơ sở II Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức - HTKT

50.798.017.600 64.679.533.600

- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III

- 31.183.891.510

- Các khoản người mua trả tiền trước khác

32.082.123.863 30.620.396.994

Cộng**111.498.541.263 196.566.156.904****b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan**

- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III

- 31.183.891.510

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Quý 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

5.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/bù trừ trong kỳ	30/09/2019
- Thuế GTGT	1.299.438.425	27.098.354.750	24.929.989.107	3.467.804.068
- Thuế TNDN	8.533.657.172	3.508.816.649	4.608.382.887	7.434.090.934
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	24.043.131	1.959.628.870	1.940.070.937	43.601.064
- Thuế Tài nguyên	-	3.926.503.640	3.838.151.640	88.352.000
Cộng	9.857.138.728	36.493.303.909	35.316.594.571	11.033.848.066

b) Phải thu

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 Chi phí phải trả

	30/09/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn	40.958.991.602	38.180.000.000
- Trích trước chi phí kiểm toán	80.000.000	180.000.000
- Chi phí thi công phải trả	40.878.991.602	38.000.000.000
b) Dài hạn	180.326.519.672	-
- Chi phí thi công phải trả	180.326.519.672	-
Cộng	221.285.511.274	38.180.000.000

5.17 Các khoản phải trả khác

	30/09/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	3.356.319.000
- Lãi vay phải trả nhà nước	24.779.617.918	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	25.219.152.486	-
- Kinh phí công đoàn	5.553.500	-
Cộng	50.004.323.904	3.356.319.000
b) Dài hạn		
Phải trả dài hạn khác		
- Công ty Cổ phần Cát Đại Lợi (*)	2.191.500.000	2.191.500.000
- Công ty TNHH Đồng Phát (*)	730.500.000	-
- Phải trả ngân sách Nhà nước (**)	21.885.776.000	730.500.000
Cộng	24.807.776.000	2.922.000.000

(*) Nhận tiền đầu tư hợp tác kinh doanh tại Chi nhánh Duy Tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Quý 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

5.18 Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000		32.532.138.143	232.532.138.143
Tăng vốn trong năm trước	20.000.000.000			20.000.000.000
Lãi trong năm trước			28.509.652.874	28.509.652.874
Tăng khác				-
Giảm vốn trong năm trước			(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Phân phối lợi nhuận				
Số dư đầu năm nay	220.000.000.000	-	41.041.791.017	261.041.791.017
Tăng vốn trong kỳ (*)	21.999.970.000	106.050.000.000		128.049.970.000
Lãi trong kỳ		1.052.885.364	83.216.951.424	84.269.836.788
Tăng khác		884.527.118		884.527.118
Giảm vốn trong kỳ				-
Phân phối lợi nhuận (*)				-
Lỗ trong kỳ			(22.515.227.917)	(22.515.227.917)
Giảm khác				
Số dư cuối kỳ này	241.999.970.000	107.987.412.482	101.743.514.524	451.730.897.006

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	30/09/2019	01/01/2019
Vốn góp của các đối tượng khác			
- Ông Nguyễn Huy Cương	20,66%	50.000.000.000	50.000.000.000
- Bà Nguyễn Thanh Tâm	4,55%	11.000.000.000	11.000.000.000
- Các đối tượng khác	74,79%	180.999.970.000	159.000.000.000
Cộng	100%	241.999.970.000	220.000.000.000

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn góp đầu năm	220.000.000.000	220.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	21.999.970.000	-
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	241.999.970.000	220.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
	30/09/2019	01/01/2019
Cổ phiếu	24.199.997	22.000.000
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.199.997	22.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.199.997	22.000.000
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.199.997	22.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.199.997	22.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Quý 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
	Kỳ này	Kỳ trước
6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán bê tông	11.679.438.750	1.876.151.910
- Doanh thu xây lắp	61.945.010.860	57.448.367.273
- Doanh thu khác	10.192.819.700	593.278.237
Cộng	83.817.269.310	59.917.797.420
6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu	Kỳ này	Kỳ trước
Giảm giá hàng bán	-	-
Cộng	-	-
6.3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn bán bê tông	10.548.257.697	1.690.523.096
- Giá vốn xây lắp	55.945.491.181	49.724.251.854
- Giá vốn bán hàng khác	9.205.621.191	453.500.470
Cộng	75.699.370.069	51.868.275.420
6.4 Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, cho vay	1.526.041.109	579.194.814
Cộng	1.526.041.109	579.194.814
6.5 Chi phí tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	216.019.682	71.092.977
Cộng	216.019.682	71.092.977
6.6 Thu nhập khác	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi từ hoạt động thanh lý tài sản cố định	298.824.783	-
- Giá trị còn lại	876.175.217	-
- Thu nhập khác từ việc thanh lý tài sản cố định	1.175.000.000	-
Thu bồi thường bảo hiểm		51.108.000
Hỗ trợ sản lượng		144.301.600
Cộng	298.824.783	195.409.600
6.7 Chi phí khác	Kỳ này	Kỳ trước
Các khoản chi phí khác	94.345.378	96.819.937
Cộng	94.345.378	96.819.937
6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	1.222.095.427	2.198.828.484
Chi phí khấu hao tài sản cố định	216.182.366	983.284.970
Chi phí nhân công	1.005.913.061	1.215.543.514
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.736.978.323	1.104.068.992
Cộng	6.301.638.038	3.302.897.476

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN/HN

Quý 3 năm 2019

Đơn vị tính: VND

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Kỳ này	Kỳ trước
1.042.174.259	1.094.269.378
1.042.174.259	1.094.269.378

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt.

8.2 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.3 Những thông tin khác

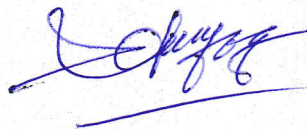
Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

NGƯỜI LẬP



Đinh Thị Phương Thảo

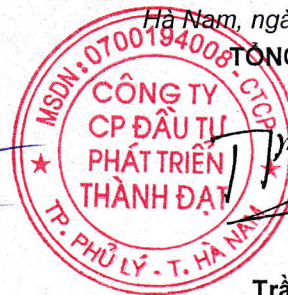
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Tuyên

Hà Nam, ngày 30 tháng 10 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Việt Đức